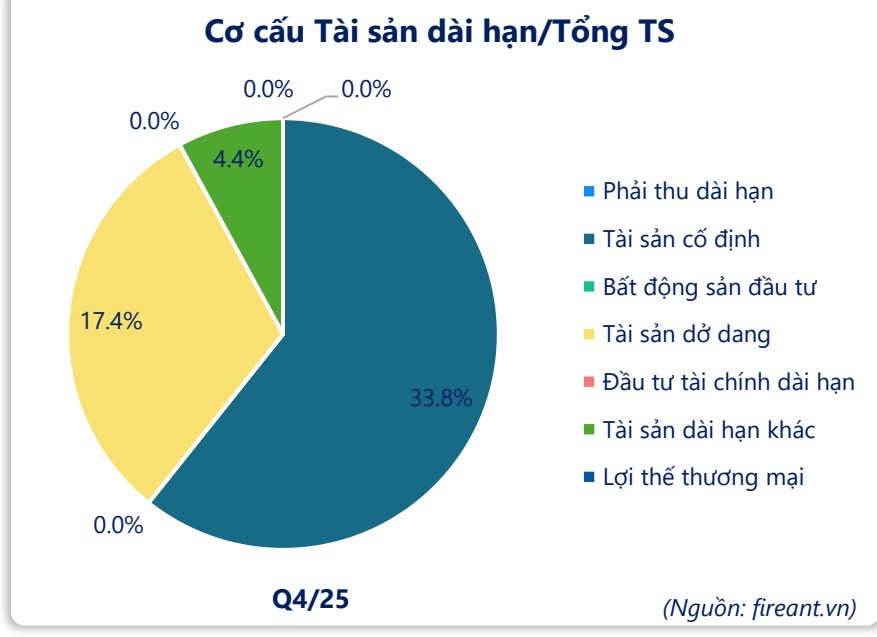
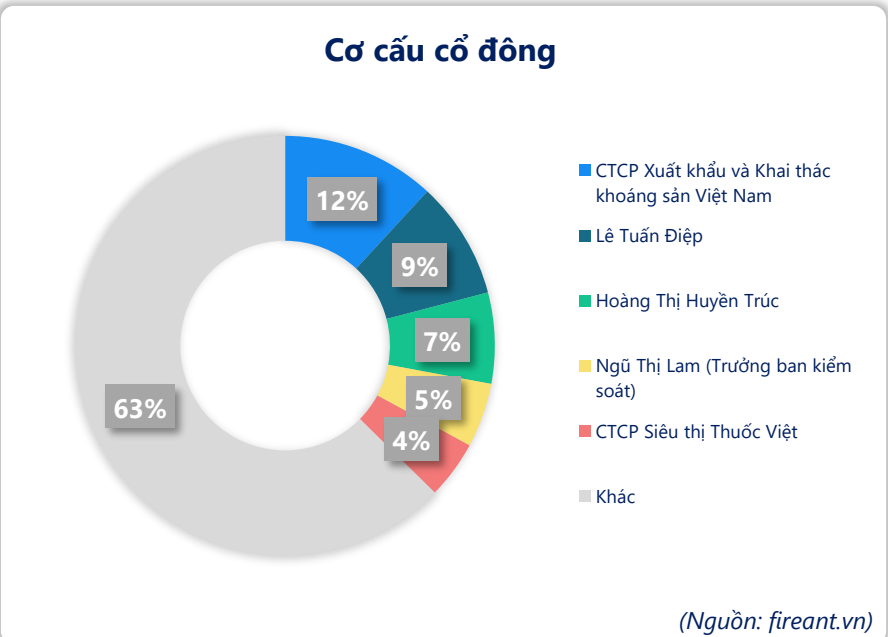
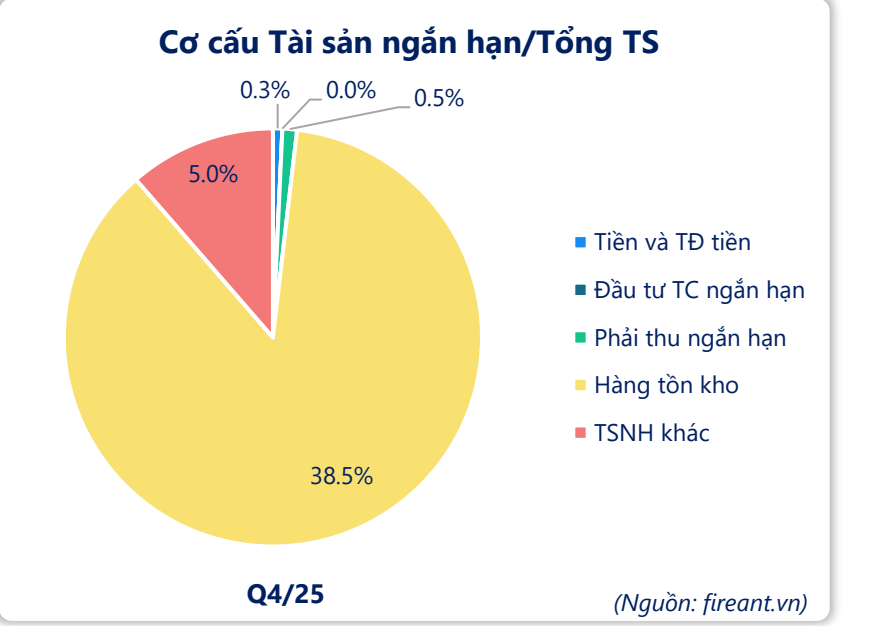
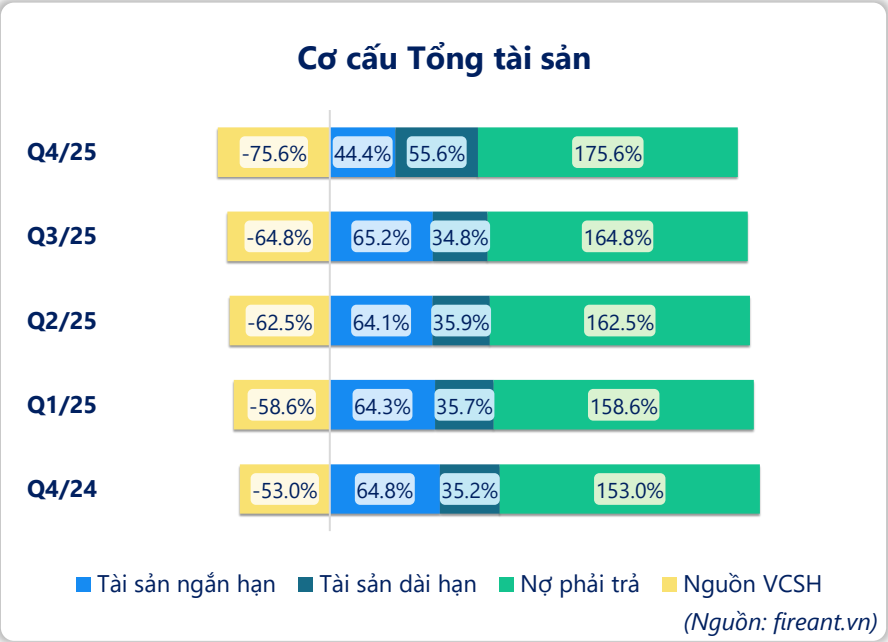
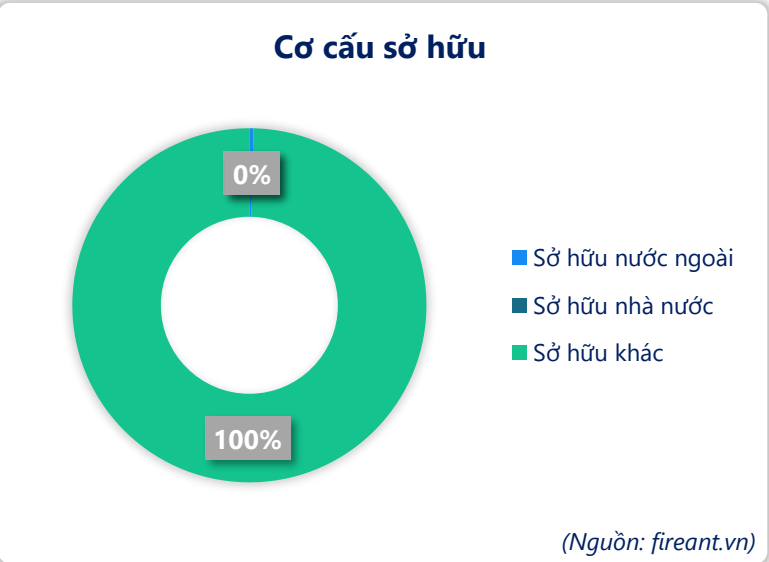
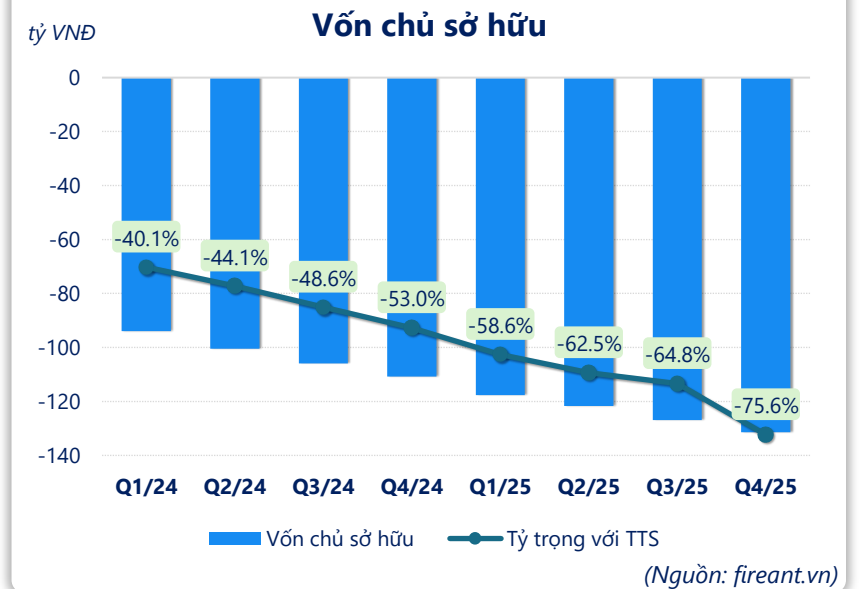
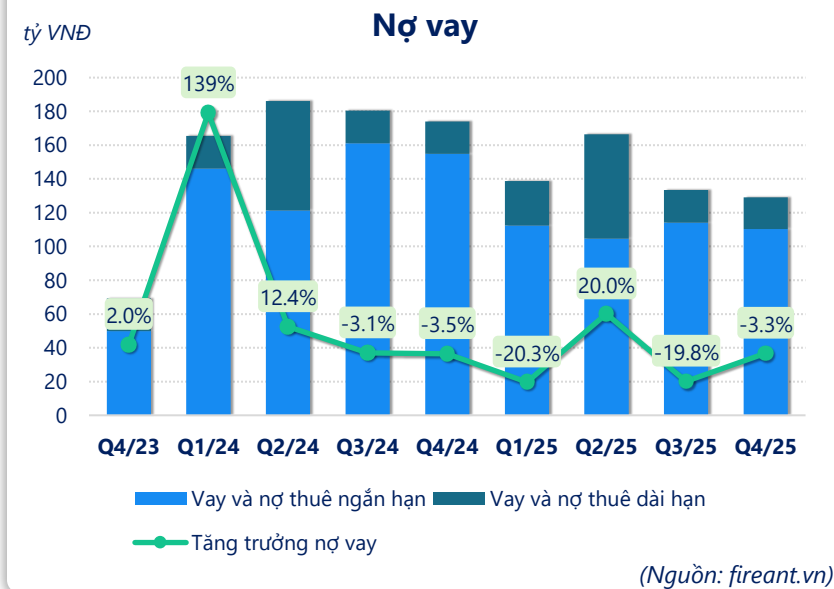
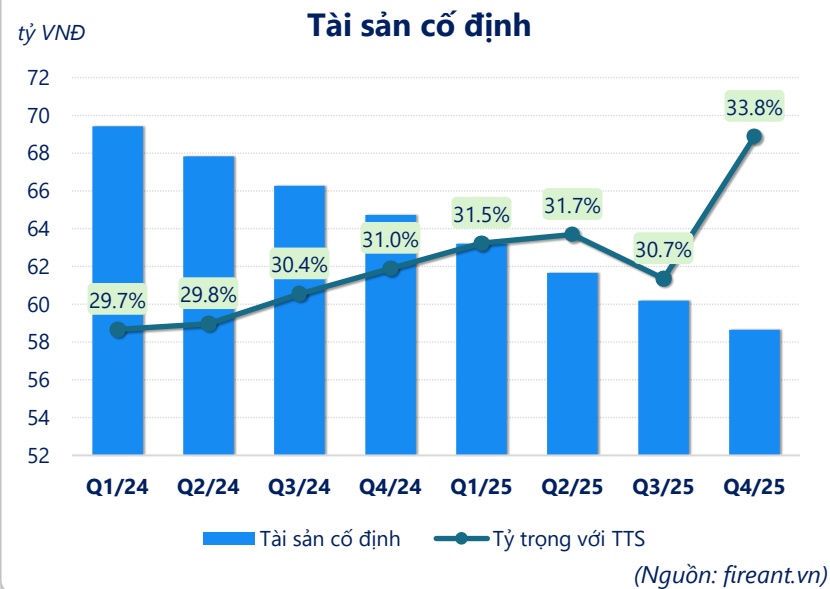
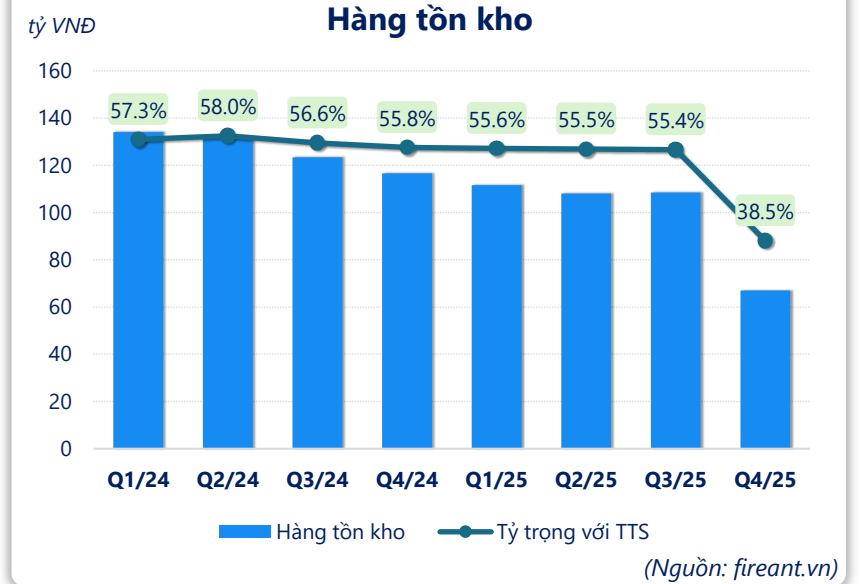
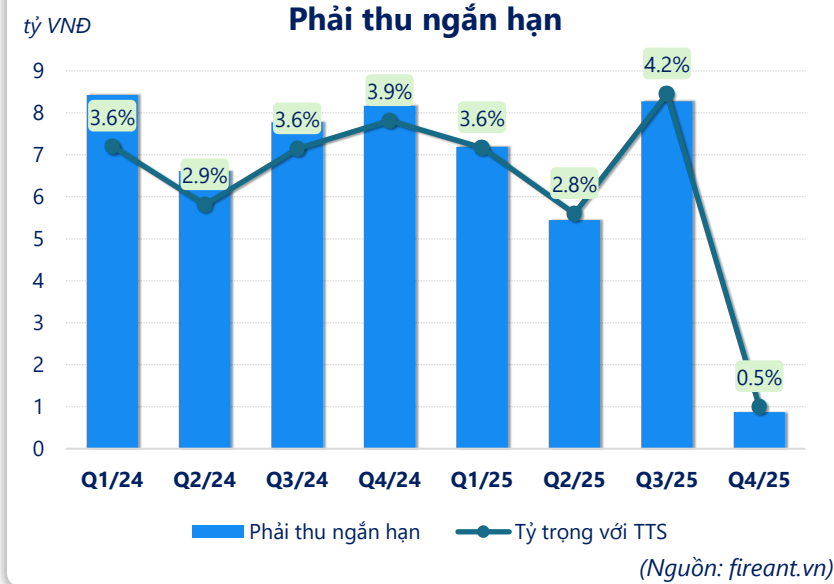
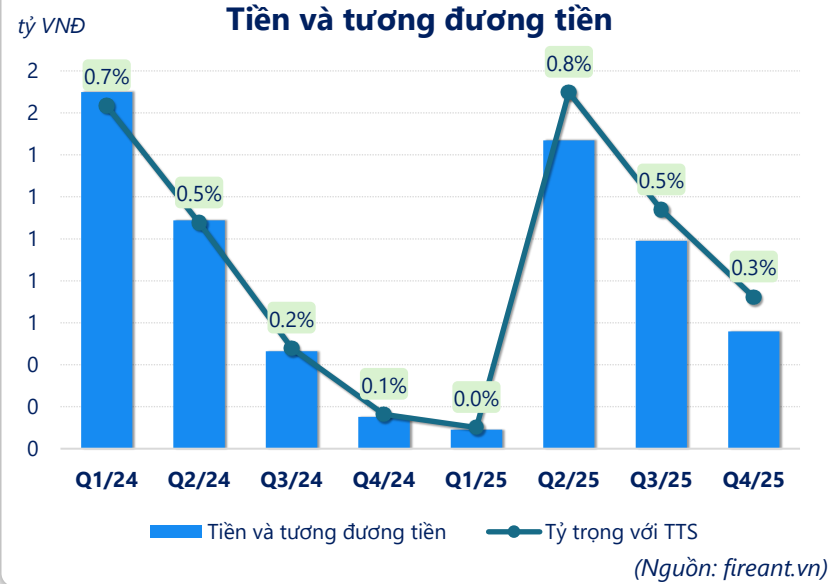
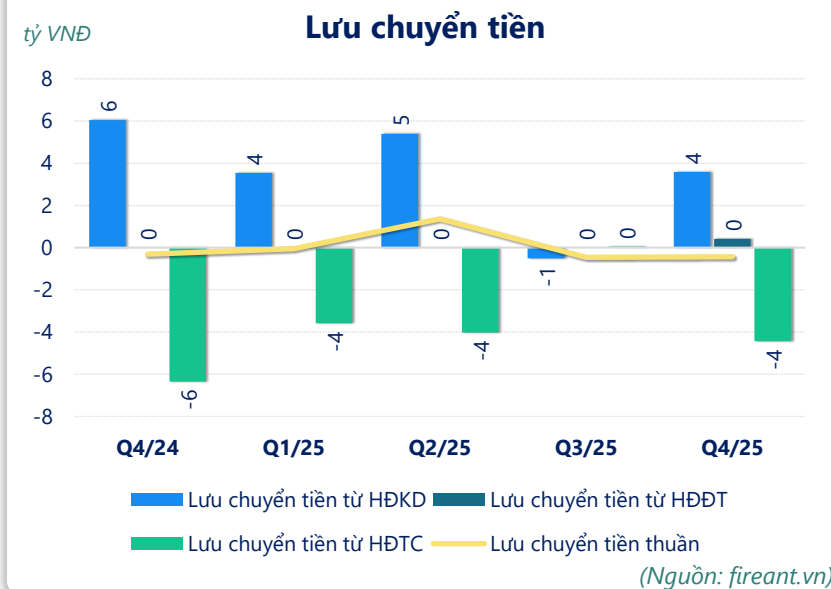
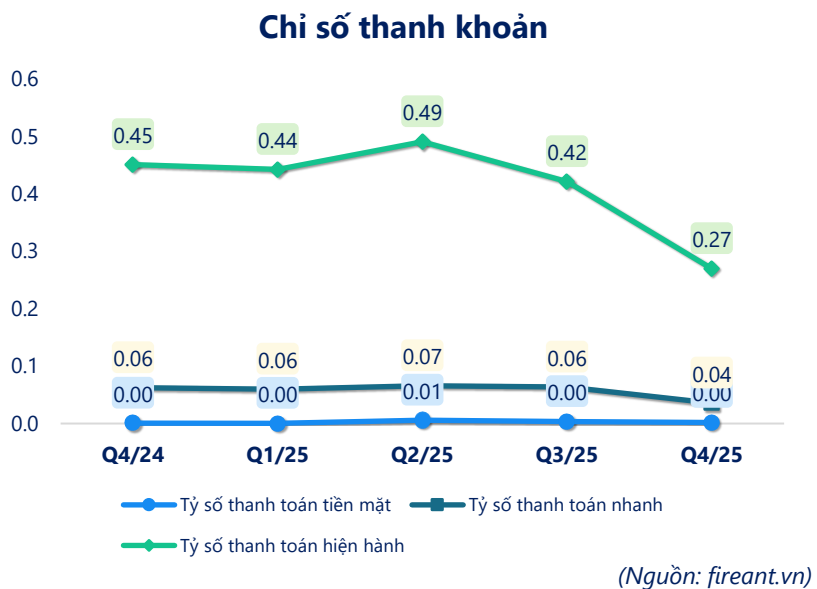
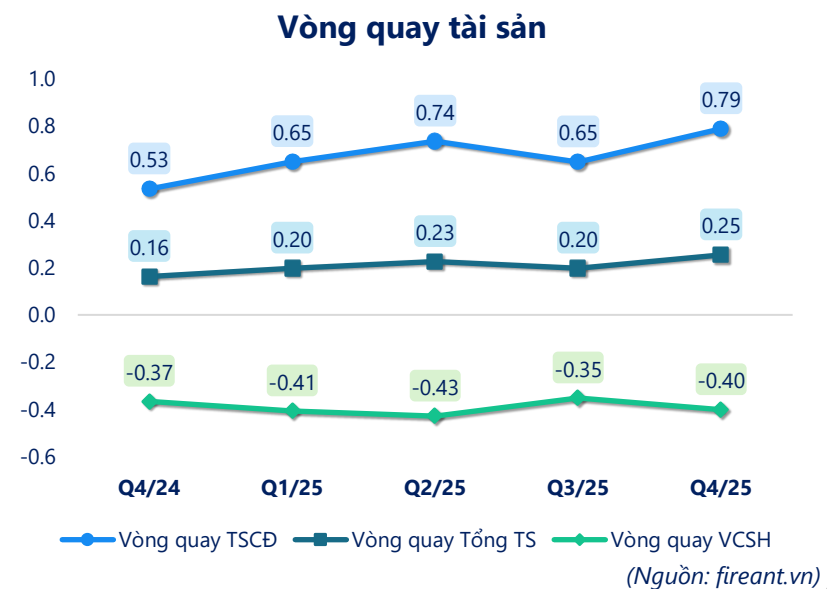
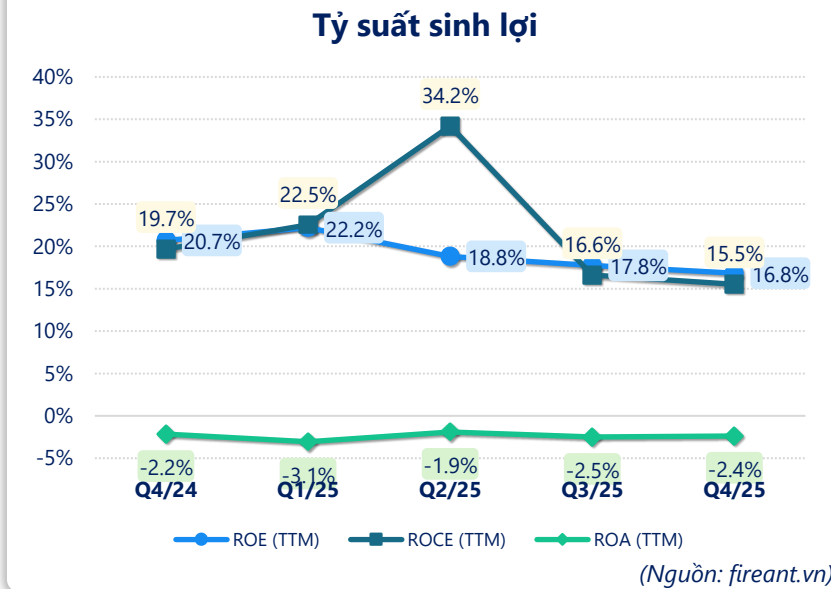
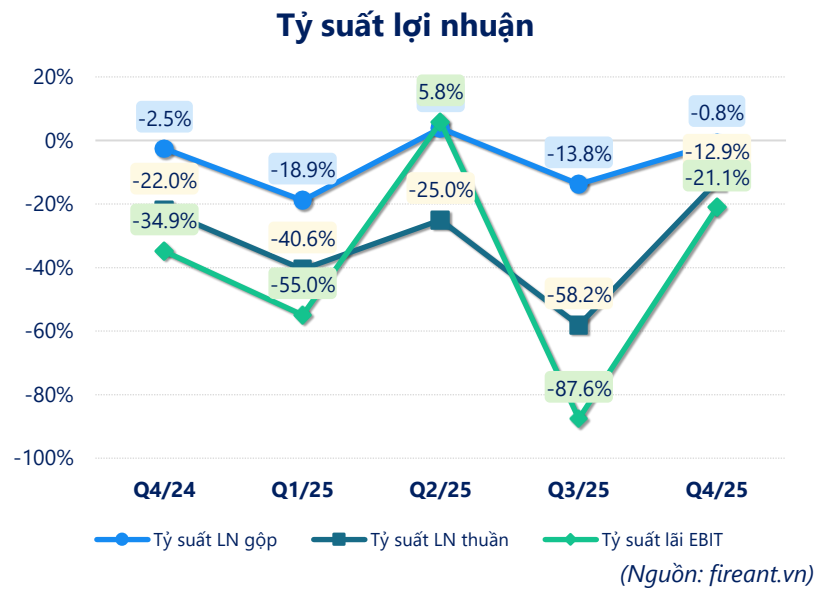
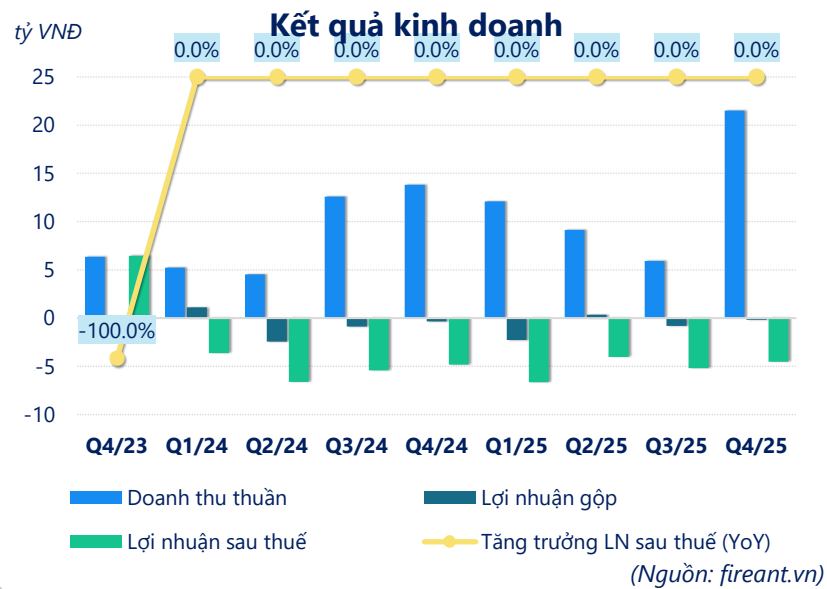


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	800	
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	500	
SL cổ phiếu LH	16,000,000	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	725	
% sở hữu nước ngoài	0.4%	
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13	
P/E	-0.6	
EPS	-1,274	

	YTD	1T	3T	6T
CMI	-33.3%	33.3%	33.3%	14.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	174	209	-16.8%
Tài sản ngắn hạn	77.1	135	-43.0%
Tiền và tương đương tiền	0.56	0.14	286%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0.87	8.16	-89.3%
Hàng tồn kho	66.9	117	-42.7%
Tài sản ngắn hạn khác	8.77	10.4	-15.6%
Tài sản dài hạn	96.6	73.4	31.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	58.6	64.7	-9.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	30.3	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	7.68	8.64	-11.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	305	320	-4.6%
Nợ ngắn hạn	286	258	10.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	110	112	-1.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.31	20.0	-63.4%
Nợ dài hạn	18.9	61.8	-69.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	18.9	61.8	-69.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-131	-111	-18.4%
Vốn chủ sở hữu	-131	-111	-18.4%
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	13.8	12.1	9.13	5.92	21.5
Giá vốn hàng bán	14.2	14.4	8.77	6.73	21.7
Lợi nhuận gộp	-0.35	-2.28	0.35	-0.81	-0.17
Doanh thu HĐTC	1.14	0.00	0.00	0.00	0.07
Chi phí TC	3.59	2.34	2.30	2.35	2.36
Chi phí lãi vay	0	0	4.55	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.09	0.11	0.16	0.10	0.21
Chi phí QLDN	0.15	0.17	0.18	0.18	0.11
LN thuần từ HĐKD	-3.05	-4.90	-2.28	-3.44	-2.78
Lợi nhuận khác	-1.78	-1.74	-1.74	-1.74	-1.75
LN trước thuế	-4.82	-6.64	-4.02	-5.18	-4.53
Lợi nhuận sau thuế	-4.82	-6.64	-4.02	-5.18	-4.53
LNST của CĐ cty mẹ	-4.82	-6.64	-4.02	-5.18	-4.53

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.03	3.54	5.39	-0.51	3.59
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.42
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.35	-3.59	-4.03	0.05	-4.44
Tiền đầu kỳ	0.46	0.14	0.09	1.45	0.99
Lưu chuyển tiền thuần	-0.31	-0.05	1.36	-0.46	-0.43
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.15	0.09	1.45	0.99	0.56

(Nguồn: fireant.vn)